

Số: 1894 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 15 tháng 11 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2999/LĐTBOXH-BTXH ngày 19/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng CSDL quốc gia về ASXH, ứng dụng CNTT vào giải quyết chính sách ASXH đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 244/TTr-LĐTBOXH ngày 01/11/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Kế hoạch số 67/KH-LĐTBOXH ngày 01/11/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Bảo trợ xã hội - Bộ LĐ-TB&XH;
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Các đơn vị tại Phần thứ 3 của Kế hoạch;
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Công TTĐT (VIC);
- KGVX (Đ-VIC);
- Lưu: VT. Tr 21/11.



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Thân Đức Hương

Số: 67 /KH-LĐTBXH

Cà Mau, ngày 01 tháng 11 năm 2017

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.**

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

Căn cứ Công văn số 2999/LĐTBXH-BTXH ngày 19/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; công văn số 6407/UBND-KGVX ngày 16/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng CSDL quốc gia về ASXH, ứng dụng CNTT vào giải quyết chính sách ASXH đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030”.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

### Phần thứ nhất

## ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ AN SINH XÃ HỘI

### I. Tình hình đối tượng an sinh xã hội

#### 1. Kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Hiện nay, công tác triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh đã thực sự phát huy hiệu quả, góp phần làm giảm gánh nặng kinh tế gia đình, giúp đối tượng ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống, kết quả công tác trợ giúp như sau:

- Thực hiện Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và nay là Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, hằng năm có hơn 35.000 lượt người được hưởng trợ cấp xã hội, tổng kinh phí thực hiện khoảng 180 tỷ đồng/năm (thực hiện chi hỗ trợ hàng

tháng, bảo hiểm y tế, mai táng phí); tổ chức cứu trợ đột xuất khi thiên tai dịch họa xảy ra, các địa phương thực hiện kịp thời thăm hỏi và hỗ trợ nạn nhân khắc phục khó khăn đời sống, sinh hoạt và ổn định sản xuất. Năm 5 qua đã cứu trợ 2.359 hộ với kinh phí hỗ trợ là 20,36 tỷ đồng.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo, hộ nghèo và hộ cận nghèo được cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế, năm 2016 với khoảng 128.662 thẻ và kinh phí thực hiện trên 78 tỷ đồng; xây dựng và sửa chữa nhà ở theo Quyết định 167/QĐ-TTg đã thực hiện hỗ trợ được 1.360 căn, với kinh phí thực hiện 54,400 tỷ đồng; tiếp tục hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, thẩm định danh sách theo Đề án 6.026 căn đến năm 2020. Hỗ trợ trực tiếp tiền điện cho hộ nghèo năm 2016 là 29.537 hộ; với kinh phí thực hiện trên 16,3 tỷ đồng. Vay vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo tính đến cuối năm 2016 là 203 tỷ đồng, số hộ dư nợ là 79.298 hộ đã thực sự phát huy hiệu quả tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu vốn, có nguồn vốn đảm bảo phát triển kinh tế hộ gia đình vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Đối với chính sách người có công: Đã thực hiện tốt công tác chăm lo người có công cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng; chi trợ cấp hàng tháng 20.552 đối tượng; thực hiện cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế 27.814 đối tượng; ưu đãi giáo dục, điều dưỡng, cấp dụng cụ chỉnh hình, xây dựng nhà ở, thăm, tặng quà nhân dịp lễ, tết hàng năm đều thực hiện có hiệu quả.

- Tỉnh đã giải quyết việc làm cho năm 2016 cho 40.359 lao động; tỷ lệ thất nghiệp năm 2016 trên địa bàn tỉnh 2,38%. Hàng năm tư vấn và giới thiệu việc làm trên 6.373 lượt người tham gia lao động. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, năm 2016 tỉnh đã tổ chức được là 1.080 lớp với 37.800 lao động nông thôn tham gia.

- Công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em và bình đẳng giới ngày càng được chú trọng; công tác này đã chuyển hướng theo cách tiếp cận dựa trên nhu cầu và đáp ứng các quyền cơ bản của đối tượng có nhu cầu. Đảm bảo đối tượng có cuộc sống an toàn lành mạnh và phát triển.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 6 cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập, hàng năm tiếp nhận, quản lý và chăm sóc nuôi dưỡng bình quân 180 người/năm.

- Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 784 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý. Số người nghiện ma túy ngoài xã hội là 639 người, số người nghiện ma túy trong Cơ sở cai nghiện ma túy là 29 người và trong các trại tạm giam, nhà tạm giữ là 11 người.

## **2. Dự báo đến năm 2020**

a) Đối tượng bảo trợ xã hội và hộ nghèo:

- Khoảng 51.000 người được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5%/năm, riêng các huyện, xã có tỷ lệ nghèo cao giảm 3 - 4%/năm theo chuẩn nghèo của từng giai đoạn.

b) Đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế:

- Khoảng 98% người tham gia bảo hiểm xã hội/tổng lực lượng lao động.
- Ước tính đến năm 2020 BHYT toàn dân tham gia chiếm 95%/tổng dân số.

c) Đối tượng chính sách người có công: Khoảng hơn 35.000 người hưởng chính sách ưu đãi người có công.

## **II. Khái quát thực trạng xây dựng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội**

### **1. Tình hình xây dựng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh:**

Để phát huy tính hiệu quả trong công tác quản lý các đối tượng được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, các bộ, ngành đã chủ động ban hành các văn bản ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước của ngành chủ yếu theo quy định từ các bộ luật, luật quan trọng như: Bộ Luật Lao động; Luật Giáo dục nghề nghiệp; Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Luật bảo hiểm xã hội; Luật Trẻ em; Luật người cao tuổi; Luật người khuyết tật; Luật nuôi con nuôi; Luật bảo hiểm y tế; Luật giáo dục...

Hiện nay, đối với ngành Lao động – Thương binh và Xã hội đang quản lý, sử dụng phần mềm quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, phần mềm quản lý hộ nghèo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai; phần mềm quản lý đối tượng người có công và phần mềm Số hóa tài liệu bảo quản lưu trữ hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ người có công; phần mềm quản lý về dạy nghề; phần mềm về việc làm và một số ngành như Bảo hiểm xã hội, Y tế, Công an ... có các hệ cơ sở dữ liệu riêng nhằm phục vụ nhu cầu quản lý và nghiên cứu khoa học của ngành.

Các phần mềm quản lý ứng dụng này chưa phát huy hết hiệu quả, trong cùng ngành có nhiều phần mềm quản lý, các phần mềm không thể chia sẻ thông tin với nhau nếu cùng đối tượng thụ hưởng. Như vậy, dẫn đến tình trạng trùng, sai, tốn kém kinh phí trong công tác thu thập thông tin, quản lý, khai thác, chia sẻ gây lãng phí kinh phí của nhà nước.

Hệ thống an sinh xã hội đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự bình đẳng và ổn định kinh tế - xã hội. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, do đó việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội của Việt Nam nói chung và của tỉnh Cà Mau nói riêng là cần thiết và phù hợp theo xu thế phát triển.

### **2. Khó khăn, vướng mắc khi áp dụng cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh.**

a) Hệ thống chỉ tiêu thống kê, báo cáo về an sinh xã hội chưa đồng bộ, thống nhất

Cho đến nay chưa có hệ thống chỉ tiêu thống kê và các thông tin đồng bộ, thống nhất về an sinh xã hội trên phạm vi toàn quốc, chỉ có các hệ thống chỉ tiêu thống kê trên từng lĩnh vực cụ thể của từng ngành. Trong một chừng mực nhất định, một số chỉ tiêu thống kê chuyên ngành của lĩnh vực an sinh xã hội chưa được

chuẩn hóa, thống nhất giữa các cấp quản lý, chòng chéo về nội dung dẫn đến tình trạng trùng lặp về đối tượng. Công tác thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu còn thiếu chi tiết, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ cơ sở, nhất là cấp xã, phường, thị trấn, huyện, thành phố Cà Mau thực hiện, dẫn đến tình trạng tổng hợp số liệu chưa chính xác, chưa hệ thống hóa cụ thể.

b) Các hệ thống phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu an sinh xã hội chưa đồng bộ, thống nhất.

Các hệ thống phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu an sinh xã hội chưa đồng bộ, thống nhất. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chưa được chuẩn hóa, việc thu thập, cập nhật, quản lý thông tin còn mang tính đơn lẻ, chưa đồng bộ và nhất quán chưa đầy đủ, kịp thời, độ tin cậy chưa cao, hiệu quả sử dụng thấp, do đó không thể truy cập, theo dõi biến động dẫn đến không đáp ứng được yêu cầu của quản lý nhà nước, thiếu sự kết nối nên vẫn xảy ra tình trạng trùng, sai.

c) Nguồn kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu còn hạn chế.

d) Nguồn lực làm công tác an sinh xã hội.

Cán bộ, nhân viên làm công tác an sinh xã hội đa phần là kiêm nhiệm và hầu như chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thành phần. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc tổ chức, triển khai đào tạo về kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ, nhân viên làm công tác an sinh xã hội là yêu cầu cần thiết nhằm từng bước chuyên nghiệp hoá về công tác quản lý hệ thống thông tin về an sinh xã hội hiện đại, thúc đẩy phát triển mạng lưới xây dựng chính sách, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội.

đ) Cơ chế quản lý và khai thác thông tin.

Hàng năm, các đơn vị cung cấp số liệu về các lĩnh vực quản lý của ngành, song chất lượng báo cáo còn nhiều hạn chế. Việc quản lý và khai thác thông tin chưa thành nề nếp. Mặt khác cũng chưa có quy định cụ thể về việc chia sẻ thông tin, khai thác sử dụng thông tin. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực tuy đông song chủ yếu làm kiêm nhiệm, số cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin không nhiều, trình độ sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin còn bất cập do vậy việc khai thác sử dụng cũng chưa thật hiệu quả.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU VÀ CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH**

#### **I. Mục tiêu**

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm tải công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới về tổ chức và đẩy mạnh cung cấp

dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực an sinh xã hội, góp phần phát triển Chính phủ điện tử.

### **1. Mục tiêu đến năm 2020**

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, giải quyết chính sách, chi trả cho đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội kịp thời, công khai và minh bạch.

b) Nghiên cứu, áp dụng cơ sở pháp lý, triển khai cấp số và thẻ an sinh xã hội điện tử để tích hợp, giúp người dân thụ hưởng thuận lợi các chính sách trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội bao gồm thông tin cơ bản về công dân Việt Nam là đối tượng của các chính sách: Trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

### **2. Định hướng đến năm 2030**

Mở rộng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội gồm thông tin thêm về các lĩnh vực: Trẻ em, dạy nghề, việc làm, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội và các lĩnh vực khác của an sinh xã hội theo quy định của pháp luật.

### **3. Phạm vi của Kế hoạch**

Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội là tập hợp các thông tin cơ bản về công dân của tỉnh là đối tượng của chính sách an sinh xã hội, gồm trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

## **II. Nội dung chính của Kế hoạch**

1. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản để triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Nghiên cứu, rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hợp tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chính sách an sinh xã hội; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chi trả chính sách, xây dựng cơ sở dữ liệu; lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công bảo đảm chi trả theo yêu cầu, thực hiện theo cơ chế thu hồi vốn đầu tư thông qua thu phí cung cấp dịch vụ chi trả chính sách; hướng dẫn, hỗ trợ người dân tự đăng ký và nhập liệu các trường thông tin cá nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu an sinh xã hội trên địa bàn.

a) Sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu an sinh xã hội.

Tiếp nhận, triển khai phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển giao; xây dựng quy chế về cập nhật, quản lý, vận hành và truy cập cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương liên quan.

b) Cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội

- Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội gồm các thông tin sau đây:

+ Các thông tin về đối tượng và chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Các thông tin về đối tượng và chính sách giảm nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020;

+ Quyết định số 361/QĐ-TTg ngày 07/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020;

+ Quyết định số 2546/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020;

+ Quyết định số 1555/QĐ-TTg, ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 – 2020.

+ Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020.

+ Các thông tin về đối tượng và chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Các thông tin về đối tượng và chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Luật việc làm và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Tích hợp các thông tin sau đây vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội:

+ Các thông tin định danh công dân theo quy định tại Điều 9 Luật căn cước công dân và các văn bản hướng dẫn Luật.

+ Các thông tin về đối tượng và chính sách bảo hiểm xã hội theo quy định tại Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn Luật.

+ Các thông tin về đối tượng và chính sách bảo hiểm y tế theo quy định tại Luật bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn Luật.

c) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chỉ số đầu vào, đầu ra, bảo đảm các cơ sở dữ liệu thành phần cập nhật, quản lý, tích hợp và trao đổi cơ sở dữ liệu an sinh xã hội.

d) Quản lý, lưu trữ, bảo mật và phân phối hiệu quả cơ sở dữ liệu thành phần và cơ sở dữ liệu quốc gia về ASXH.

đ) Tổ chức nhập liệu hồ sơ đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội từ các dữ liệu thành phần của hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội..

4. Phối hợp nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở pháp lý cấp số và thẻ an sinh xã hội điện tử; xây dựng sổ an sinh xã hội nhằm quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.

5. Xây dựng Cổng Thông tin điện tử An sinh xã hội trên địa bàn tỉnh để thực hiện: Giải quyết các chính sách an sinh xã hội cho người dân; cung cấp thông tin về chính sách, đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội; tích hợp cung cấp dịch vụ trực tuyến và kết nối hệ thống thông tin thống kê về an sinh xã hội của các ngành, địa phương liên quan.

6. Tổ chức chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và người dân về vai trò, tác dụng của sổ an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

8. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc ứng dụng, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.

9. Trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm của các địa phương trong việc sử dụng thẻ an sinh xã hội điện tử.

10. Tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội của các cấp, các ngành và địa phương liên quan.

### **Phần thứ ba**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. Phân công trách nhiệm**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; kiểm tra, giám sát và tổ chức sơ kết hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện. Tổ chức tổng kết, đánh



giá kết quả thực hiện Đề án vào năm 2020 trước khi tiếp tục triển khai giai đoạn tiếp theo đến năm 2030.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn các địa phương lựa chọn đơn vị có mạng lưới cơ sở vật chất và nhân lực có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội, các chính sách an sinh xã hội và bảo đảm xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội để cung cấp dịch vụ chi trả các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau căn cứ kế hoạch này xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép triển khai thực hiện trong các kế hoạch có liên quan đến nhiệm vụ, giải pháp theo quản lý của ngành đạt hiệu quả.

3. Sở Y tế, Công an tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tích hợp các thông tin tại Điểm c Khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030” vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án về An sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương.

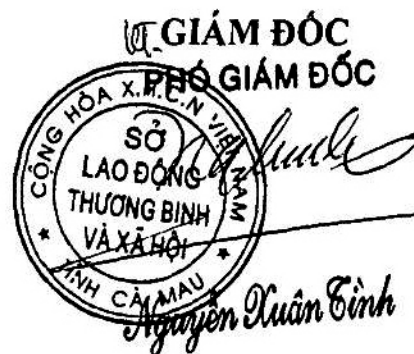
## II. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn: Chi phí dịch vụ chi trả các chính sách an sinh xã hội, nguồn vốn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước, nguồn huy động, tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận: *W*

- Cục Bảo trợ - Bộ LĐTBXH;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, Tp Cà Mau;
- Lưu VP, Phòng BTEXH.



UBND TỈNH CÀ MAU

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**PHỤ LỤC: NỘI DUNG CÔNG VIỆC CHI TIẾT BAN HÀNH KÈM THEO KẾ HOẠCH**

Số 62/CA/2017/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau

Stt	Nội dung công việc theo Kế hoạch	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản để triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các Sở, ngành và địa phương liên quan	Từ năm 2017 đến năm 2020
2	Nghiên cứu, rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hợp tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chính sách an sinh xã hội; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chi trả chính sách, xây dựng cơ sở dữ liệu; lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công bảo đảm chi trả theo yêu cầu, thực hiện theo cơ chế thu hồi vốn đầu tư thông qua thu phí cung cấp dịch vụ chi trả chính sách; hướng dẫn, hỗ trợ người dân tự đăng ký và nhập liệu các trường thông tin cá nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các Sở, ngành và địa phương liên quan	Từ năm 2017 đến năm 2020

3	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu an sinh xã hội trên địa bàn.</p> <p>a) Sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu an sinh xã hội.</p> <p>b) Cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội</p> <p>c) Xây dựng hệ thống chi tiêu, chi số đầu vào, đầu ra, bảo đảm các cơ sở dữ liệu thành phần cập nhật, quản lý, tích hợp và trao đổi cơ sở dữ liệu an sinh xã hội.</p> <p>d) Quản lý, lưu trữ, bảo mật và phân phối hiệu quả cơ sở dữ liệu thành phần và cơ sở dữ liệu quốc gia về ASXH.</p> <p>đ) Tổ chức nhập liệu hồ sơ đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội từ các dữ liệu thành phần của hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội..</p>	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh, các Sở, ngành và địa phương liên quan	Đến năm 2020
4	<p>Phối hợp nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở pháp lý cấp số và thẻ an sinh xã hội điện tử; xây dựng số an sinh xã hội nhằm quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.</p>	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở, ngành và địa phương liên quan	Đến năm 2020
5	<p>Xây dựng Cổng Thông tin điện tử An sinh xã hội trên địa bàn tỉnh để thực hiện: Giải quyết các chính sách an sinh xã hội cho người dân; cung cấp thông tin về chính sách, đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội; tích hợp cung cấp dịch vụ trực tuyến và kết nối hệ thống thông tin thống kê an sinh xã hội các ngành, địa phương liên quan.</p>	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các Sở, ngành và địa phương liên quan	Đến năm 2020

6	Tổ chức chi trả trợ giúp xã hội thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và địa phương liên quan	Năm 2017 đến năm 2020
7	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và người dân về vai trò, tác dụng của sổ an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và địa phương liên quan	Năm 2017 đến năm 2020
8	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc ứng dụng, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và địa phương liên quan	Năm 2017 đến năm 2020
9	Trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm của các địa phương trong việc sử dụng thẻ an sinh xã hội điện tử.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và địa phương liên quan	Năm 2017 đến năm 2020
10	Tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội của các cấp, các ngành và địa phương liên quan.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành và địa phương liên quan	Năm 2017 đến năm 2020